TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2024/DS-ST
Ngày: 19/8/2024.
V/v: Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuyến

2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 118/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 437/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT

Trụ sở: Đường N, Phường S, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Gia T là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 281/2024/UQ-TGĐ ngày 04/01/2024). Ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Nguyễn Đức TT, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Đường T, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông TT vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 11/01/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT có ông Trần Gia T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 20/3/2012**,** ông Phạm Nguyễn Đức TT có ký với Ngân hàng TMCP TT (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Ông TT, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho Ông TT thẻ Visa số thẻ 472074-1730 với hạn mức sử dụng 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, Ông TT đã thực hiện các giao dịch còn nợ dư gốc của Ngân hàng số tiền 17.163.808 đồng và Ông TT không thanh toán cho Ngân hàng. Do Ông TT vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 16/10/2012 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 Bản Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ sử dụng của Ngân hàng. Tính đến ngày 27/6/2024, Ông TT còn nợ của thẻ Visa số thẻ 472074-1730 số tiền 96.004.931 đồng trong đó: Gốc số tiền 17.163.808 đồng và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 27/06/2024 với mức lãi suất 3.225%/tháng số tiền 78.841.123 đồng. Do Ông TT vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc Ông TT phải trả số tiền nêu trên 1 lần ngay khi án có hiệu luật pháp luật.

Từ ngày 28/6/2024, Ông TT phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất quá hạn trên số nợ gốc của hợp đồng nêu trên cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng chỉ yêu cầu Ông TT trả nợ Ngân hàng vì đây là khoản vay tín chấp và Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho Ông TT. Ngân hàng không yêu cầu vợ của Ông TT cùng có trách nhiệm với Ông TT trong khoản nợ này.

Bị đơn Ông TT không đến Tòa và cũng không có văn bản gởi đến Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên Tòa:

- Xét đơn đề nghị xét xử vắng mặt của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Gia T ngày 19/8/2024 như sau: Buộc ông Phạm Nguyễn Đức TT trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT tổng số tiền 96.982.834 đồng do sử dụng thẻ Visa số 472074-1730 gồm: Nợ gốc 17.163.808 đồng, lãi quá hạn từ ngày 16/10/2012 đến ngày 19/8/2024 số tiền 79.819.026 đồng với mức lãi suất 3,225%/tháng. Trả ngay khi án có hiệu luật pháp luật.

- Bị đơn Ông TT vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ

khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT khởi kiện Ông TT trả số tiền còn thiếu do sử dụng thẻ tín dụng phát sinh tranh chấp từ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/3/2012 được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Căn cứ vào kết quả xác minh của Công an Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: " *Ông Phạm Nguyễn Đức TT, sinh năm 1987 có hộ khẩu thường trú Đường T, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã bán nhà vào năm 2012. Ông TT hiện đang cư ngụ tại đường H, Phường M, Quận 0, Thành phố Hồ Chí Minh*.", và tại kết quả xác minh của Công an Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: " *Tại đường H, Phường M, Quận 0, Thành phố Hồ Chí Minh không có ai tên Phạm Nguyễn Đức TT, sinh năm 1987 đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú và thực tế cư trú.".* Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/3/2012 thì tại phần thông tin cá nhân ông Phạm Nguyễn Đức TT cung cấp cho Ngân hàng địa chỉ tại Đường T, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, khi Ông TT thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho chính quyền địa phương và không thông báo cho nguyên đơn Ngân hàng là nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Ông TT có địa chỉ tại số Đường T, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thì vụ án tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.4] Bị đơn Ông TT được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, Điều 208 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.5] Bị đơn Ông TT đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa nên tiến hành xét xử vắng mặt Ông TT theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.6] Đại diện nguyên đơn ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn, xét: Buộc ông Phạm Nguyễn Đức TT trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT tổng số tiền 96.982.834 đồng do sử dụng thẻ Visa số 472074-1730 gồm: Nợ gốc 17.163.808 đồng, lãi quá hạn từ ngày 16/10/2012 đến ngày 19/8/2024 số tiền 79.819.026 đồng với mức lãi suất 3,225%/tháng. Trả ngay khi án có hiệu luật pháp luật, thì Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1] Về nợ gốc:

[2.1.1] Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/3/2012 của Ông TT đối với Ngân hàng TMCP TT thì Ông TT được Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng số tiền 15.000.000 đồng với thẻ số 472074 - 1730.

[2.1.2] Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về hợp đồng vay tài sản như sau: "*Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định*." và tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*;"; Tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 và khoản 2 Điều 22 của Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp quy định về phí dịch vụ thẻ ban hành kèm theo Quyết số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định như sau: Các quy định về cấp tín dụng qua thẻ " 2. *Số tiền đang thấu chi, số tiền đang vay tín dụng của một khách hàng nằm trong giới hạn cho vay đối với khách hàng đó theo quy định hiện hành của pháp luật.*

Dư nợ thấu chi qua thẻ, dư nợ tín dụng qua thẻ được tính vào tổng mức dư nợ cho vay chung của TCPHT.

3. Thời hạn trả nợ, mức trả nợ tối thiểu, nghĩa vụ thanh toán và các nghĩa vụ khác liên quan đến việc cấp tín dụng thực hiện theo thoả thuận giữa TCPHT và chủ thẻ và không trái các quy định của pháp luật." và quy định về nghĩa vụ của chủ thẻ như sau*: "Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Tổ chức phát hành thẻ các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thoả thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ."*;

[2.1.3] Theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP TT quy định tại khoản i Điều 1 về giải thích thuật ngữ như sau: " *Dư nợ thẻ gọi tắt là dư nợ là tổng số nợ của tài khoản bao gồm tất cả số tiền giao dịch, phí và tiền lãi liên quan đến việc sử dụng thẻ*", tại Điều 2 quy định về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ như sau: "*… Chủ thẻ là chủ thẻ chính và bất kỳ và tất cả chủ thẻ phụ, chịu trách nhiệm liên đới việc thanh toán tất cả các giao dịch và tất cả các loại phí, chi phí phát sinh trên tài khoản do sử dụng thẻ…*", tại Điều 18 quy định về phương thức thanh toán như sau: " *Tất cả các giao dịch và phí phát sinh phải được chủ thẻ thanh toán cho Đơn vị phát hành thẻ vào hoặc trước ngày đến hạn được ghi trên thông báo …*", tại Điều 19 quy định về số tiền thanh toán như sau: " *Chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn vào hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho Chủ thẻ…",* tại Điều 20 quy định về áp dụng thanh toán như sau: " *Thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ*.", và tại Điều 23 quy đinh về vi phạm như sau: " *Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ thẻ phải thanh toán…",* thì đối chiếu bản tóm tắt sao kê của Ông TT giao dịch từ ngày 15/6/2012 cho đến ngày 15/10/2012 thì Ông TT còn dư nợ số tiền 17.163.808 đồng không thanh toán đến nay cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc Ông TT phải trả số tiền 17.163.808 đồng do sử dụng thẻ tín dụng là phù hợp với quy định của pháp luật với những căn cứ đã viện dẫn nêu trên có sở chấp nhận.

[2.2] Về nợ lãi quá hạn:

[2.2.1] Căn cứ khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: "*Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ*.".

[2.2.2] Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng như sau: "*1.Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.*

2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.”.

[2.2.3] Theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định tại Điều 22 quy định về cách tính lãi như sau: “*Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi suất phát sinh trên tài khoản.”* và tại Điều 23 về vi phạm như sau: “ *Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ thẻ phải thanh toán. Nếu Chủ thẻ có nhiều hơn một tài khoản với Đơn vị phát hành thẻ, việc vi phạm ở một tài khoản sẽ tự động được xem như là vi phạm ở tất cả tài khoản khác. Dù bất cứ trường hợp nào, Đơn vị phát hành thẻ có quyền chấm dứt tất cả các tài khoản của Chủ thẻ tại Đơn vị phát hành thẻ…*

Khi sự kiện vi phạm xảy ra, Chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng Đơn vị phát hành thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau:

- Chấm dứt quyền sử dụng Thẻ và tiến hành thu hồi toàn bộ nợ.

- Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) phù hợp với Điều 22 đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của Đơn vị phát hành thẻ …”. Do Ông TT vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng và chuyển nợ quá hạn đối với tín dụng từ ngày 16/10/2012 là phù hợp với quy định pháp luật với những căn cứ đã viễn dẫn nêu trên là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2.4] Căn cứ Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Trung tâm thẻ Ngân hàng TT về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế SS quy định mức lãi suất trong hạn là 2,15%.tháng. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Ông TT trả số tiền lãi quá hạn với mức lãi suất quá hạn 3,225%/tháng từ ngày 16/10/2012 đến ngày 19/8/2024 số tiền 79.819.026 đồng của thẻ tín dụng là phù hợp quy định pháp luật với những căn cứ đã viện dẫn là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bị đơn Ông TT phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 4.849.412 đồng đối với yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP TT được chấp nhận số tiền 96.982.834 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, e khoản 1 Điều 192 ,Điều 196, Điều 208, Điều 210, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, khoản 1 và khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 4, khoản 2 Điều 22 của Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp quy định về phí dịch vụ thẻ ban hành kèm theo Quyết số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Áp dụng Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

***Tuyên xử*:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT.

Buộc ông Phạm Nguyễn Đức TT trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT tổng số tiền 96.982.834 đồng gồm: Nợ gốc 17.163.808 đồng và lãi quá hạn từ ngày 16/10/2012 cho đến ngày 19/8/2024 số tiền 79.819.026 đồng của thẻ tín dụng số 472074 - 1730 theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/3/2012.

Việc trả tiền được thực hiện một lần, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Phạm Nguyễn Đức TT còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi của số tiền 17.163.808 đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT theo mức lãi suất được quy định theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/3/2012 đến khi thanh toán hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Nguyễn Đức TT phải chịu 4.849.142 đồng và nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.318.478 đồng theo biên lai thu tiền số 0009052 ngày 24/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT và bị đơn ông Phạm Nguyễn Đức TT được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND Quận 3;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

Nguyễn Thị Thanh Nhàn